

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2024

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Hồ.
- Bà Dương Thị Thanh Thúy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 179/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm: 1974;

Nơi cư trú: Số I, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. **Bị đơn:** Ông Lý Thanh T, sinh năm: 1974;

Nơi cư trú: Số I, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc D trình bày:

Bà và ông Lý Thanh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung với nhau, bà và ông T có 01

con chung là Lý Thanh T1, sinh năm 1998, hiện đã trưởng thành. Thời gian đầu sống chung cuộc sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau, bà và ông T đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Do bà và ông T không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên ông yêu cầu không công nhận ông với bà H là vợ chồng.

Về con chung: có 01 con chung tên Lý Thanh T1, sinh năm 1998, hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà và ông Lý Thanh T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc nên bà D xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

Theo bản tự khai, bị đơn ông Lý Thanh T trình bày:

Ông và bà D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian sống chung với nhau hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, ông và bà D đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà D thì ông đồng ý, ông yêu cầu không công nhận ông với bà D là vợ chồng.

Về con chung: có 01 con chung tên Lý Thanh T1, sinh năm 1998, hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: ông và bà D không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc nên ông T xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Ngọc D và ông Lý Thanh T có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà D, ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần thị Ngọc D1 và ông Lý Thanh T cùng thống nhất trình bày sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng đến nay

không có đăng ký kết hôn. Thời gian sống chung với nhau hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau và đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay bà D1 đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D1 và ông T thì ông T đồng ý. Xét thấy, bà D1 và ông T sống chung với nhau như vợ chồng sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên bà D1 và ông T đã vi phạm vào Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Ngọc D và ông Lý Thanh T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: bà Trần Thị Ngọc D và ông Lý Thanh T có 01 con chung tên Lý Thanh T1, sinh năm 1998, hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà Trần Thị Ngọc D và ông Lý Thanh T thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Trần Thị Ngọc D phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Ngọc D và ông Lý Thanh T là vợ chồng.

Về con chung: bà Trần Thị Ngọc D và ông Lý Thanh T có 01 con chung tên Lý Thanh T1, sinh năm 1998, hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Trần Thị Ngọc D và ông Lý Thanh T thống nhất không có nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Trần Thị Ngọc D phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004424 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

Bà Trần Thị Ngọc D và ông Lý Thanh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Đạt